

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định” của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Anh Quân Phát**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ các Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 và số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 151/GP-UBND ngày 20/10/2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Anh Quân Phát;*

*Theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản ngày 16 tháng 01 năm 2025 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 199/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định” do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Anh Quân Phát thực hiện, với các nội dung như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng là 8,06ha, có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122: 558.343m<sup>3</sup>.

3. Hệ số nở ròi: 1,28.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt; Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 là 558.343m<sup>3</sup>.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chi cục Thuế khu vực XIII; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Thành; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Anh Quân Phát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Cục KS Việt Nam;
- Chi cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Tọa độ khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 108 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>o</sup>	
	X(m)	Y (m)
1	1.521.008	595.033
2	1.520.979	595.086
3	1.520.723	595.221
4	1.520.625	595.183
5	1.520.603	595.088
6	1.520.744	594.983
7	1.520.968	594.844
<b>Diện tích 8,06 ha</b>		

**Thống kê trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp  
tại mỏ 211 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**  
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

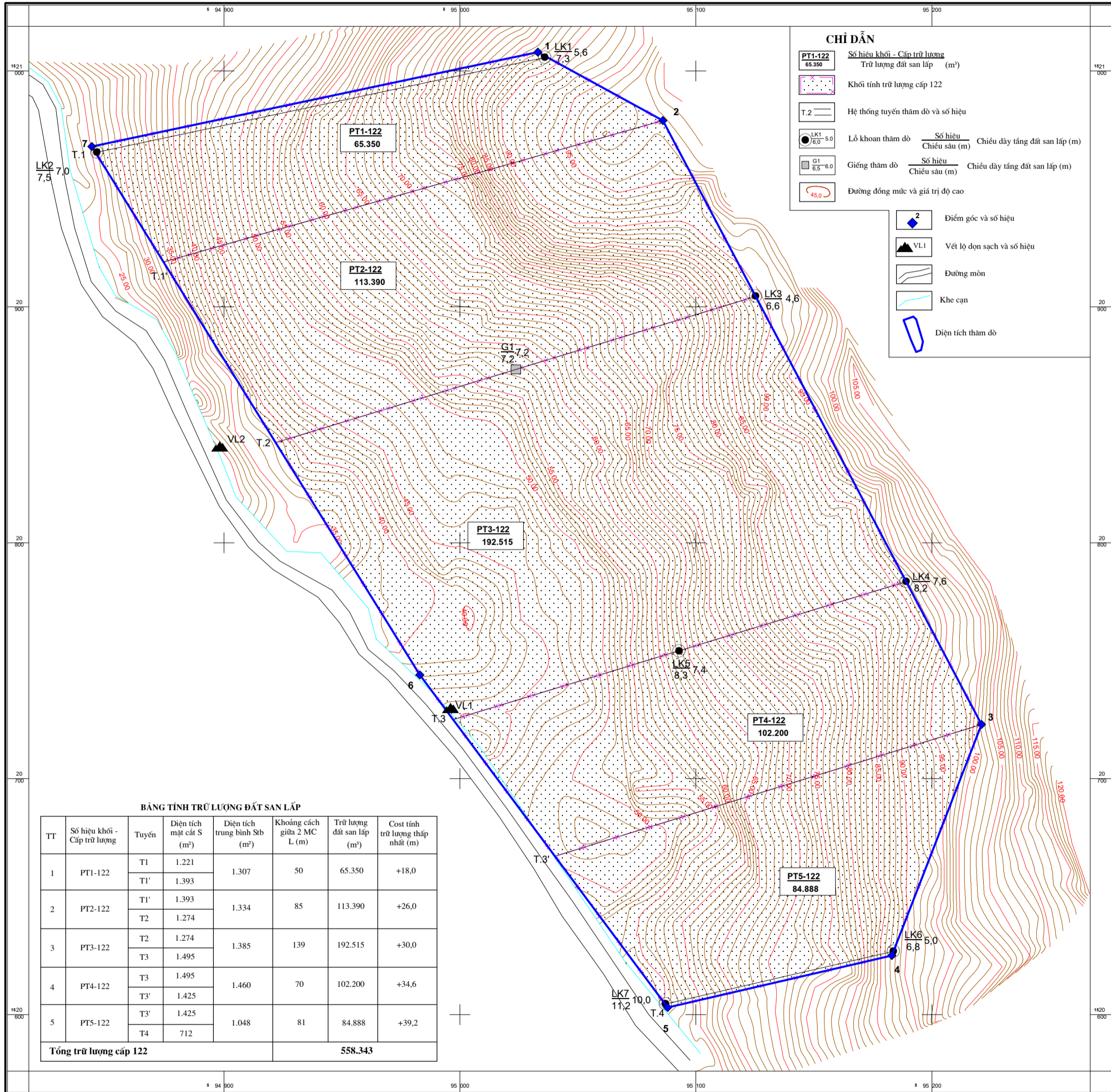
TT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Tuyến	Diện tích mặt cắt S (m <sup>2</sup> )	Diện tích trung bình Stb (m <sup>2</sup> )	Khoảng cách 2 mặt cắt L (m)	Trữ lượng V (m <sup>3</sup> )	Cost tính TL thấp nhất (m)
1	PT1-122	T1	1.221	1.307	50	65.350	+18,0
		T1'	1.393				
2	PT2-122	T1'	1.393	1.334	85	113.390	+26,0
		T2	1.274				
3	PT3-122	T2	1.274	1.385	139	192.515	+30,0
		T3	1.495				
4	PT4-122	T3	1.495	1.460	70	102.200	+34,6
		T3'	1.425				
5	PT5-122	T3'	1.425	1.048	81	84.888	+39,2
		T4	712				
<b>Tổng trữ lượng cấp 122</b>						<b>558.343</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

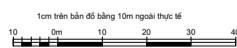
### BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỪ LƯỢNG

PHỤ LỤC

ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI MỎ 211 XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH  
Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định



TỶ LỆ 1:1.000



Bản đồ thành lập bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp:  
Hoàn thành tháng 07 năm 2024.  
Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000 và độ cao Quốc gia Hòn Dấu  
mũi chiều 3 độ, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút.